

Số: 171/2024/QĐCNHGT-HNGĐ

TP. Tuyên Quang, ngày 25 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Lưu Thị V và anh Nguyễn Đức V;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị V;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 12 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Chị Lưu Thị V, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Người bị kiện: Anh Nguyễn Đức V; sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 12 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 12 năm 2024, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lưu Thị V và anh cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Lưu Thị V và anh Nguyễn Đức V cùng xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Châu A, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Nguyễn K, sinh ngày 16/12/2019. Ly hôn, anh Nguyễn Đức V là người trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Châu A, Nguyễn Nguyên K. Chị Lưu Thị V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng tính từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về tài sản chung:** Chị Lưu Thị V và anh Nguyễn Đức V đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết;

- **Về các vấn đề khác:** Chị Lưu Thị V và anh Nguyễn Đức V đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- THADS thành phố Tuyên Quang;
- UBND phường T, TPTQ, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phan Anh Thành